TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 460/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 26/9/2017
V/v tranh chấp "ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Vũ

2. Ông Nguyễn Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú tham gia phiên toà:

Ông Nguyễn Phú Quí - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 305/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2498/2017/QĐXX-ST ngày 11 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Huỳnh Văn T – sinh năm: 1977, Có mặt.

Địa chỉ: 128/2 ấp GB, xã G, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Trần Thị T – sinh năm: 1976. Có mặt.

Địa chỉ: 128/2 ấp GB, xã G, huyện P, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Thạnh Phú, địa chỉ: 215/3 ấp 10, thị trấn T, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn Bé H – Chức vụ Giám đốc Ngân hàng ủy quyền cho ông Nguyễn Văn T – Chức vụ Phó Giám đốc Ngân hàng tham gia tố tụng. (theo văn bản ủy quyền ngày 22 tháng 8 năm 2017). Có mặt.

- Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, địa chỉ: 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Hiếu T, chức vụ: Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện P. Có mặt.

- Chủ doanh nghiệp tư nhân vật liệu xây dựng Kiều Lan – chị Nguyễn Thị Diễm K, sinh năm: 1988, ĐKTT: ấp TTH, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre, địa chỉ: ấp HC xã G, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Chị Kiều ủy quyền cho ông Nguyễn Văn P – sinh năm: 1959, địa chỉ: ấp HC, xã G, huyện P, tỉnh Bến Tre tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 24 tháng 7 năm 2017. Có mặt.

- Anh Tống Thành K, sinh năm: 1975 (Chủ hộ kinh doanh cá thể), địa chỉ: ấp GB, xã G, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

- Anh Huỳnh Văn T – sinh năm: 1996, Địa chỉ: 128/2 ấp GB, xã G, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13-4-2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn Huỳnh Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh với chị Trần Thị T đăng ký kết hôn năm 1997 tại Ủy ban nhân dân xã Giao Thạnh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre, được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11-8-1997, hôn nhân giữa anh và chị T là tự nguyện. Nguyên nhân anh yêu cầu ly hôn với chị T là do anh và chị T sống chung không hợp, gia đình xảy ra bạo lực, sống chung không còn hạnh phúc. Tại tòa anh xác định không mong muốn hàn gắn tình cảm với chị T nên anh yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị T. Khi ly hôn anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho anh.

Về nuôi con chung: anh và chị T có hai con chung là Huỳnh Văn T, sinh ngày 05-02-1996 và Huỳnh Kim Khả H, sinh ngày 22-8-2013. Nếu ly hôn anh giao con chung Huỳnh Kim Khả H, sinh ngày 22-8-2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con 700.000 đồng/tháng. Đối với con chung Huỳnh Văn T, sinh ngày 05-02-1996 đã trưởng thành nên không yêu cầu.

Về chia tài sản: Anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh thừa nhận vợ chồng anh có các khoản nợ chung là:

Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Thạnh Phú số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 26-9-2017 là 1.603.611 đồng, anh đồng ý cùng chị T trả số tiền này. Số tiền này vợ chồng vay về xây nhà.

Nợ chị Nguyễn Thị Diễm K (là chủ Doanh nghiệp tư nhân Kiều Lan) số tiền 13.808.000 đồng, anh đồng ý cùng chị T trả số tiền này, đây là tiền vợ chồng anh mua vật liệu xây dựng về xây nhà.

Nợ anh Tống Thành K (chủ hộ kinh doanh cửa hàng vật liệu xây dựng Khang) số tiền 13.861.000 đồng, anh đồng ý cùng chị T trả số tiền này, đây là tiền vợ chồng anh mua vật liệu xây dựng về xây nhà.

Ngoài ra vợ chồng anh còn nợ tiền cửa nhôm của ông Nguyễn Văn L (chủ cửa tiệm Minh Đức) số tiền 12.500.000 đồng.

Qua yêu cầu của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Thạnh Phú, chị Nguyễn Thị Diễm K và anh Tống Thành K anh đồng ý.

Anh không thừa nhận số nợ Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng như chị T trình bày là nợ chung vì anh không biết khoản vay này, trước đây vợ chồng anh có vay tiền từ Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam nên có sổ vay vốn nhưng đã trả số tiền này rồi và anh không vay thêm khoản tiền vay

nào khác vì vậy Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Việt Nam yêu cầu anh phải liên đới cùng chị T trả khoản nợ vay 30.000.000 đồng cùng tiền lãi là 18.000 đồng thì anh không đồng ý. Anh không đồng ý với lời làm chứng của bà Lê Thị Đ là "số tiền 30.000.000 đồng dùng vào việc xây cất nhà cửa, làm vốn để buôn bán trái cây tạo thu nhập trong gia đình" mặc dù bà Đ là mẹ ruột của anh, bà Đ muốn khai như thế nào là việc của bà Đ.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 23-5-2017 và trong quá trình xét xử bị đơn Trần Thị T trình bày:

Chị thừa nhận lời trình bày của anh T về hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn, về con chung là đúng.

Đối với yêu cầu ly hôn của anh T chị có ý kiến: trong thời gian chung sống anh T có quan hệ với nhiều người phụ nữ khác, thường xuyên đánh đập chị, chơi đá gà, đánh bài, chị và anh T có thời gian dài sống ly thân sau đó hàn gắn được tình cảm về sống chung lại nhưng anh T vẫn không thay đổi nên anh T yêu cầu ly hôn thì chị đồng ý, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng sau khi ly hôn.

Về con chung: Chị đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng con chung Huỳnh Kim Khả Hân, sinh ngày 22-8-2013, chị đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con chung 700.000 đồng/tháng.

Đối với con chung Huỳnh Văn T, sinh ngày 05-02-1996 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị có tài sản chung là phần đất thuộc thửa 207, tờ bản đồ số 9, diện tích 299,6m² tọa lạc tại ấp Giao Bình, xã Giao Thạnh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre và căn nhà cấp 4 tọa lạc trên đất nhưng chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị có các khoản nợ chung là:

Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện P số tiền 20.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 26-9-2017 là 1.603.611 đồng, chị đồng ý cùng anh T trả số tiền này. Số tiền này vợ chồng vay về xây nhà.

Nợ chị Nguyễn Thị Diễm K (là chủ Doanh nghiệp tư nhân Kiều Lan) số tiền 13.808.000 đồng, chị đồng ý cùng anh T trả số tiền này, đây là tiền vợ chồng chị mua vật liệu xây dựng về xây nhà.

Nợ anh Tống Thành K (chủ hộ kinh doanh cửa hàng vật liệu xây dựng Khang) số tiền 13.861.000 đồng, chị đồng ý cùng anh T trả số tiền này, đây là tiền vợ chồng chị mua vật liệu xây dựng về xây nhà.

Ngoài ra vợ chồng chị còn nợ tiền cửa nhôm của ông Nguyễn Văn L (chủ cửa tiệm Minh Đức) số tiền 12.500.000 đồng; nợ tiền hụi của chị Trần Thị T 13.500.000 đồng; nợ Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng, số tiền vay của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam vợ chồng chị sử dụng vào mục đích mua vật liệu xây nhà, chị làm vốn buôn bán.

Qua yêu cầu của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Thạnh Phú, Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, chị Nguyễn Thị Diễm K và anh Tống Thành K chị đồng ý.

Theo đơn khởi kiện ngày 07-6-2017 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Thạnh Phú và trong quá trình tố tụng tại tòa người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn T trình bày:

Vào ngày 27-7-2015 anh Huỳnh Văn T có ký kết hợp đồng tín dụng số: GT20150229/HĐTD (7105LAV201507988) vay số tiền 20.000.000 đồng, vay theo phương thức hạn mức tín dụng, biện pháp bảo đảm tiền vay: cho vay không có bảo đảm bằng tài sản theo quy định của Chính Phủ, người vay có cam kết thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tài sản là Quyền sử dụng đất: diện tích 299.6m², thửa đất số 207, tờ bản đồ số 7, mục đích sử dụng đất: đất trồng cây lâu năm, giấy chứng nhận QSD đất số CA 863182, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH03367 do Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Phú cấp ngày 30-6-2015.

Vào ngày 05-8-2016 anh Huỳnh Văn T đã nhận nợ theo giấy nhận nợ số 7105LDS201608546, số tiền là 20.000.000 đồng.

Thời hạn cho vay: 12 tháng

Mục đích sử dụng tiền vay: nuôi bò.

Hạn trả cuối cùng ngày 05-8-2017.

Lãi suất cho vay theo giấy nhận nợ là: 7%/năm, lãi suất quá hạn: 10,5%/năm.

Số nợ tính đến ngày 26-9-2017 là: 20.000.000 đồng nợ gốc và nợ lãi là 1.603.611 đồng.

Tại tòa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Thạnh Phú yêu cầu anh Huỳnh Văn T và chị Trần Thị T và anh Huỳnh Văn T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 20.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 26-9-2017 là 1.603.611 đồng, tổng là 21.603.611 đồng.

Theo đơn khởi kiện ngày 14-6-2017 của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam và trong quá trình tố tụng tại tòa người đại diện theo ủy quyền ông Huỳnh Hiếu T trình bày:

Ngày 25-5-2015 Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam cho chị Trần Thị T vay chương trình hộ nghèo với số tiền 30.000.000 đồng để nuôi bò phát triển kinh tế gia đình, thời hạn 36 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 23-5-2018, lãi suất cho vay theo sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ là 0,6%/tháng, lãi suất quá hạn là 0,78 %/tháng.

Ngày 07-12-2015 Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam cho chị Trần Thị T vay chương trình học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn với số tiền 11.000.000 đồng để cho sinh viên Huỳnh Văn T chi trả chi phí học tập nhưng chị T đã trả số tiền này nên đề nghị được rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ vay 11.000.000 đồng.

Tại tòa Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam yêu cầu chị T và anh T liên đới trả số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 26-9-2017 là 18.000 đồng, yêu cầu tính lãi phát sinh cho đến khi hoàn tất việc trả nợ, mặc dù nợ chưa đến hạn trả nhưng do chị T và anh T sử dụng vốn vay sai mục đích nên Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam yêu cầu chị T và anh T phải trả số nợ này cho Ngân hàng.

Theo đơn khởi kiện ngày 21-7-2017 của Chủ doanh nghiệp tư nhân Vật liệu xây dựng Kiều Lan chị Nguyễn Thị Diễm K và trong quá trình tố tụng tại tòa người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn P trình bày:

Vào năm 2015 doanh nghiệp tư nhân Kiều Lan có bán cho anh T và chị T vật liệu xây dựng để xây nhà nhưng sau khi xây nhà xong anh T và chị T còn nợ số tiền 13.808.000 đồng đến nay vẫn chưa trả số tiền này.

Tại tòa ông giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu anh T và chị T liên đới trả cho Chủ doanh nghiệp tư nhân Vật liệu xây dựng Kiều Lan chị Nguyễn Thị Diễm K số tiền 13.808.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Theo đơn khởi kiện ngày 25-7-2017 anh Tống Thành K (Chủ hộ kinh doanh cá thể) trình bày:

Vào năm 2015 anh có bán cho anh T và chị T vật liệu xây dựng để xây nhà nhưng sau khi xây nhà xong anh T và chị T còn nợ số tiền 13.861.000 đồng đến nay vẫn chưa trả số tiền này.

Tại tòa anh yêu cầu anh T và chị T liên đới trả cho anh số tiền 13.861.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 01-8-2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Văn T trình bày:

Anh biết việc cha mẹ anh là Huỳnh Văn T và Trần Thị T vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Việt Nam chi nhánh huyện Thạnh Phú số tiền 20.000.000 đồng về để xây nhà, hiện nay anh cũng ở trong nhà nên đồng ý liên đới trả số tiền này theo yêu cầu của Ngân hàng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử: Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng với quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Về hôn nhân: Đề nghị công nhận anh Huỳnh Văn T và chị Trần Thị T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Giao con chung Huỳnh Kim Khả H, sinh ngày 22-8-2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con 700.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về nợ chung đề nghị:

Buộc anh T và chị T có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Diễm K 13.808.000 đồng, anh Tống Thành K 13.861.000 đồng,

Buộc anh T và chị T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 26-9-2017 là 18.000 đồng.

Buộc anh T, chị T và anh T liên đới trả cho Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện P số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 26-9-2017 là 1.603.611 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Văn T thì anh T yêu cầu ly hôn với chị T, yêu cầu về con chung nên đây là tranh chấp "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn Trần Thị T đăng ký thường trú tại ấp 128/2 ấp GB, xã G, huyện P, tỉnh Bến Tre; theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

[3] *Về hôn nhân*: Hôn nhân của anh Huỳnh Văn T và chị Trần Thị T là hôn nhân hợp pháp.

Cuộc sống vợ chồng giữa anh T và chị T theo anh T, chị T trình bày là không hạnh phúc, đã có thời gian dài ly thân rồi hàn gắn nhưng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn; anh T, chị T cùng thừa nhận là trong thời gian sống chung xảy ra bạo lực gia đình. Tại tòa anh T, chị T cùng thống nhất hôn nhân không hàn gắn được nên cùng đồng ý ly hôn. Do đó, có căn cứ công nhận cho anh T và chị T thuận tình ly hôn theo Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh T và chị T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn nên không xem xét.

Xét về con chung: anh T và chị T trình bày có hai con chung là Huỳnh Văn T, sinh ngày 05-02-1996 và Huỳnh Kim Khả H, sinh ngày 22-8-2013. Trong đó con chung Huỳnh Văn T đã trưởng thành; anh T và chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Đối với con chung Huỳnh Kim Khả H, sinh ngày 22-8-2013, anh T đồng ý giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, đồng ý cấp dưỡng 700.000 đồng/tháng. Chị T đồng ý nuôi cháu H, đồng ý mức cấp dưỡng 700.000 đồng/tháng.

Xét việc anh T và chị T cùng thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và mức cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với khoản 2 Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình nên giao cháu Huỳnh Kim Khả H, sinh ngày 22-8-2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con chung 700.000 đồng/tháng, cấp dưỡng lần đầu khi bản án có hiệu lực pháp luật, cấp dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không được ai cản trở. Anh T, chị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: anh T và chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung:

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Thạnh Phú đối với số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng, nợ

lãi tính đến ngày 26-9-2017 là 1.603.611 đồng, anh T và chị T, anh T đều thừa nhận là nợ chung, nợ đã quá hạn trả nên đồng ý trả nợ. Vì vậy yêu cầu của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Thạnh Phú là có căn cứ theo Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2005 nên chấp nhận. Buộc anh T, chị T và anh T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Thạnh Phú số tiền 21.603.611 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam đối với số tiền 30.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 26-9-2017 là 18.000 đồng. Xét thấy, tuy anh T không thừa nhận đây là nợ chung không đồng ý trả nhưng khoản vay này là vay chương trình hộ nghèo, anh T thừa nhận trong thời gian vay tiền anh và chị T vẫn còn sống chung, trong gia đình chị T là người chăm lo cho con, qua lời khai của bà Đẹp là chi hội trưởng hội phụ nữ ấp cũng đồng thời là mẹ ruột của anh T, mẹ chồng của chị T thấy khoản vay 30.000.000 đồng chị T sử dụng vào việc chung trong gia đình nên buộc anh T có nghĩa vụ liên đới cùng chị T trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam số tiền 30.018.000 đồng theo Điều 466 Bộ luật dân sự 2005 và Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam rút yêu cầu khởi kiện đối với việc yêu cầu chị T và anh T có nghĩa vụ liên đới trả khoản vay học sinh sinh viên 11.000.000 đồng vì chị T đã trả khoản vay này. Xét yêu cầu này là tự nguyện và phù hợp nên chấp nhận và đình chỉ yêu cầu này.

Đối với yêu cầu của Chủ doanh nghiệp tư nhân Kiều Lan chị Nguyễn Thị Diễm K về việc yêu cầu anh T và chị T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 13.808.000 đồng, anh T và chị T thừa nhận có mua vật liệu xây dựng nhưng chưa thanh toán nên cùng đồng ý trả số nợ này nên yêu cầu của chị K là có căn cứ theo Điều 438 Bộ luật dân sự 2005, buộc anh T và chị T có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Diễm K 13.808.000 đồng, do chị K không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

Đối với yêu cầu của anh Tống Thành K về việc yêu cầu anh T và chị T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 13.861.000 đồng, anh T và chị T thừa nhận có mua vật liệu xây dựng nhưng chưa thanh toán nên cùng đồng ý trả số nợ này nên yêu cầu của anh K là có căn cứ theo Điều 438 Bộ luật dân sự 2005, buộc anh T và chị T có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Tống Thành K 13.861.000 đồng, do anh K không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

Đối với việc anh T, chị T trình bày có nợ tiền cửa nhôm của ông Nguyễn Văn L số tiền 12.500.000 đồng, chị T trình bày có nợ tiền hụi của bà T 13.500.000 đồng nhưng ông L, bà T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] *Về án phí:* Anh T, chị T, anh T phải chịu án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 28, Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, 55, 81, 82, 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 428, 438 Bộ luật dân sự 2005, Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 17 Luật phí và lệ phí, Điều 26, 27, Tiểu mục 1.1, điểm b Tiểu mục 1.3 Mục 1phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của anh T và chị T. Anh T và chị T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng nên không xem xét.

2. Về nuôi con chung: Chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Huỳnh Kim Khả H, sinh ngày 22-8-2013, anh T cấp dưỡng nuôi con chung 700.000 đồng/tháng, cấp dưỡng lần đầu khi bản án có hiệu lực pháp luật, cấp dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không được ai cản trở. Anh T, chị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: anh T và chị T không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về nợ chung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Thạnh Phú. Buộc anh T, chị T và anh T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Thạnh Phú số tiền 21.603.611 đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam. Buộc anh T và chị T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền 30.018.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chủ doanh nghiệp tư nhân Kiều Lan chị Nguyễn Thị Diễm K. Buộc anh T và chị T có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Diễm K 13.808.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tống Thành K. Buộc anh T và chị T có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Tống Thành K 13.861.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam đối với việc yêu cầu chị T và anh T có nghĩa vụ liên đới trả khoản vay học sinh sinh viên 11.000.000 đồng.

5. Về án phí:

Anh T tự nguyện nộp 300.000 đồng(ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004980 ngày 13-4-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

Anh T phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm về phần cấp dưỡng.

Anh T, chị T có nghĩa vụ liên đới nộp: 2.884.350 đồng.

Anh T, chị T, anh T có nghĩa vụ liên đới nộp 1.080.180 đồng.

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Thạnh Phú được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 529.000 đồng theo biên lai thu số 0010639 ngày 16-6-2017.

Chị Nguyễn Thị Diễm K được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 345.000 đồng theo biên lai thu số 0010711 ngày 24-7-2017.

Anh Tống Thành K được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 346.500 đồng theo biên lai thu số 0010713 ngày 25-7-2017.

6. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Ủy ban nhân dân xã Giao Thạnh;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Cao Thanh Minh